

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGỌC THỤY

THÔNG TIN CÔNG KHAI VỀ KẾT QUẢ GIÁO DỤC
Năm học 2024 – 2025

I. THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG HỌC SINH

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
1	Tổng số học sinh toàn trường	1500	241	288	288	356	327
2	Số học sinh học 2 buổi/ngày	1500	241	288	288	356	327
3	Số học sinh KT học hòa nhập	14	2	1	5	2	4
4	Số học sinh được đánh giá	1486	239	287	283	354	323
5	Số học sinh lên hoàn thành chương trình lớp học	1499	240	288	288	356	327
6	Số học sinh lên hoàn thành chương trình tiểu học						327

Lớp	Tổng số HS	Nữ		Dân tộc		Nữ dân tộc		Khuyết tật		Diện chính sách	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Tổng số	1,500	720	48.00	27	1.80	10	0.67	14	0.93	3	0.20
Tổng	241	106	43.98		0.00		0.00	2	0.83		0.00
1A1	41	15	36.59		0.00		0.00		0.00		0.00
1A2	40	15	37.50		0.00		0.00		0.00		0.00
1A3	39	20	51.28		0.00		0.00		0.00		0.00
1A4	39	16	41.03		0.00		0.00		0.00		0.00
1A5	42	24	57.14		0.00		0.00	1	2.38		0.00
1A6	40	16	40.00		0.00		0.00	1	2.50		0.00
Tổng	288	134	46.53	5	1.74	2	0.69	1	0.35		0.00
2A1	43	25	58.14		0.00		0.00		0.00		0.00
2A2	44	23	52.27		0.00		0.00		0.00		0.00
2A3	40	18	45.00	1	2.50		0.00		0.00		0.00
2A4	39	17	43.59		0.00		0.00		0.00		0.00
2A5	41	14	34.15	1	2.44	1	2.44	1	2.44		0.00
2A6	42	17	40.48	1	2.38		0.00		0.00		0.00
2A7	39	20	51.28	2	5.13	1	2.56		0.00		0.00
Tổng	288	128	44.44	8	2.78	3	1.04	5	1.74	1	0.35
3A1	42	21	50.00		0.00		0.00	1	2.38		0.00
3A2	44	19	43.18	3	6.82	1	2.27		0.00		0.00

Lớp	Tổng số HS	Nữ		Dân tộc		Nữ dân tộc		Khuyết tật		Diện chính sách	
		SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
3A3	43	19	44.19		0.00		0.00		0.00		0.00
3A4	40	19	47.50		0.00		0.00		0.00		0.00
3A5	41	18	43.90	1	2.44		0.00	2	4.88	1	2.44
3A6	40	16	40.00	2	5.00	1	2.50	1	2.50		0.00
3A7	38	16	42.11	2	5.26	1	2.63	1	2.63		0.00
Tổng	356	178	50.00	11	3.09	3	0.84	2	0.56	1	0.28
4A1	44	17	38.64	3	6.82		0.00		0.00		0.00
4A2	44	24	54.55		0.00		0.00		0.00		0.00
4A3	42	21	50.00	1	2.38	1	2.38		0.00		0.00
4A4	38	18	47.37	2	5.26		0.00		0.00		0.00
4A5	41	20	48.78		0.00		0.00		0.00		0.00
4A6	39	17	43.59	1	2.56		0.00		0.00		0.00
4A7	35	20	57.14	1	2.86		0.00	1	2.86		0.00
4A9	34	21	61.76	1	2.94		0.00	1	2.94	1	2.94
4A8	39	20	51.28	2	5.13	2	5.13		0.00		0.00
Tổng	327	174	53.21	3	0.92	2	0.61	4	1.22	1	0.31
5A1	45	26	57.78		0.00		0.00		0.00	1	2.22
5A2	45	24	53.33	1	2.22		0.00		0.00		0.00
5A3	45	25	55.56		0.00		0.00		0.00		0.00
5A4	42	20	47.62		0.00		0.00	1	2.38		0.00
5A5	43	22	51.16		0.00		0.00	1	2.33		0.00
5A6	37	20	54.05	1	2.70	1	2.70	1	2.70		0.00
5A7	34	19	55.88	1	2.94	1	2.94		0.00		0.00
5A8	36	18	50.00		0.00		0.00	1	2.78		0.00

II. THỐNG KÊ KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH

STT	Khối / Lớp	Sĩ số	ĐÁNH GIÁ GIÁO DỤC			
			Hoàn thành xuất sắc	Hoàn thành tốt	Hoàn thành	Chưa hoàn thành
1	Tổng Số	1,500	600	16	871	1
2	Khối 1	241	100		138	1
3	1A1	41	18		23	
4	1A2	40	18		22	
5	1A3	39	16		23	
6	1A4	39	16		23	
7	1A5	42	16		24	1
8	1A6	40	16		23	
9	Khối 2	288	120	4	163	
10	2A1	43	23	1	19	
11	2A2	44	23		21	
12	2A3	40	17	1	22	
13	2A4	39	15		24	
14	2A5	41	14	2	24	

STT	Khối / Lớp	Sĩ số	ĐÁNH GIÁ GIÁO DỤC			
			Hoàn thành xuất sắc	Hoàn thành tốt	Hoàn thành	Chưa hoàn thành
15	2A6	42	14		28	
16	2A7	39	14		25	
17	Khối 3	288	115		170	
18	3A1	42	23		19	
19	3A2	44	18		26	
20	3A3	43	19		24	
21	3A4	40	17		23	
22	3A5	41	15		25	
23	3A6	40	13		26	
24	3A7	38	10		27	
25	Khối 4	356	141	12	201	
26	4A1	44	26	2	16	
27	4A2	44	18	2	24	
28	4A3	42	17	2	23	
29	4A4	38	17	1	20	
30	4A5	41	16	2	23	
31	4A6	39	12	3	24	
32	4A7	35	11		23	
33	4A9	34	11		22	
34	4A8	39	13		26	
35	Khối 5	327	124		199	
36	5A1	45	24		21	
37	5A2	45	18		27	
38	5A3	45	17		28	
39	5A4	42	13		28	
40	5A5	43	15		27	
41	5A6	37	13		23	
42	5A7	34	14		20	
43	5A8	36	10		25	

III. THỐNG KÊ HỌC SINH ĐƯỢC KHEN THƯỞNG CẤP TRƯỜNG

STT	Khối / Lớp	Sĩ số	T.Số H.Sinh có khen thưởng	Khen thưởng			
				Khen thưởng cấp trường			Ghi chú
				Tổng	Cuối năm	Đợt Xuất	
1	Tổng Số	1,500	659	627	616	113	
2	Khối 1	241	100	100	100	25	
3	1A1	41	18	18	18	7	
4	1A2	40	18	18	18	5	
5	1A3	39	16	16	16	8	
6	1A4	39	16	16	16	1	
7	1A5	42	16	16	16	2	

STT	Khối / Lớp	Sĩ số	T.Số H.Sinh có khen thưởng	Khen thưởng			
				Khen thưởng cấp trường			Ghi chú
				Tổng	Cuối năm	Đợt Xuất	
8	1A6	40	16	16	16	2	
9	Khối 2	288	130	130	124	23	
10	2A1	43	27	27	24	10	
11	2A2	44	26	26	23	8	
12	2A3	40	18	18	18	2	
13	2A4	39	15	15	15		
14	2A5	41	16	16	16	3	
15	2A6	42	14	14	14		
16	2A7	39	14	14	14		
17	Khối 3	288	128	115	115	8	
18	3A1	42	23	23	23	7	
19	3A2	44	19	18	18	1	
20	3A3	43	24	19	19		
21	3A4	40	21	17	17		
22	3A5	41	15	15	15		
23	3A6	40	13	13	13		
24	3A7	38	13	10	10		
25	Khối 4	356	159	158	153	34	
26	4A1	44	30	30	28	14	
27	4A2	44	20	20	20	2	
28	4A3	42	20	20	19	6	
29	4A4	38	20	20	18	5	
30	4A5	41	18	18	18	5	
31	4A6	39	16	15	15		
32	4A7	35	11	11	11	1	
33	4A9	34	11	11	11	1	
34	4A8	39	13	13	13		
35	Khối 5	327	142	124	124	23	
36	5A1	45	27	24	24	16	
37	5A2	45	26	18	18		
38	5A3	45	18	17	17		
39	5A4	42	15	13	13	3	
40	5A5	43	17	15	15	4	
41	5A6	37	13	13	13		
42	5A7	34	15	14	14		
43	5A8	36	11	10	10		

III. THỐNG KÊ HỌC SINH ĐƯỢC KHEN CÁC CẤP

1. Cấp Quận (90 giải)

- + “Hội thi Đại sứ văn hóa đọc quận Long Biên năm 2024: 3 HS giải Ba
- + Gia đình đọc sách, phát triển tủ sách gia đình kết nối yêu thương: 01 HS giải Ba
- + Cuộc thi vẽ tranh thiếu nhi Việt – Nga “Hà Nội – Mátxcova trong trái tim em” chào mừng kỉ niệm 70 năm ngày giải phóng Thủ đô: 03HS đạt Ba và Khuyến khích
- + Cuộc thi giao lưu “Chinh phục Robobimi” dành cho học sinh cấp Tiểu học, năm học 2024 – 2025: 03HS và Nhà trường đạt giải Nhất
- + Cuộc thi Vẽ tranh Thiếu nhi Chiếc ô tô mơ ước 2024: 01 HS đạt giải Triển vọng
- + Cuộc thi Olympic tiếng Anh: 12 HS đạt giải, trong đó: 3 giải Nhì, 4 giải Ba; 5 giải Khuyến Khích
- Vẽ tranh "Em yêu Long Biên": 03 HS đạt giải (1 giải Nhì, 1 giải Ba, 1 giải Khuyến khích)
- + Cuộc thi TDTT học sinh cấp quận: 02 HS đạt giải, trong đó: 01 giải Nhất, 01 giải Ba.
- + 62 giải ở các sân chơi khác (09 giải Vàng, 09 giải Bạc, 19 giải Ba, 25 giải KK)

2. Cấp thành phố (78 giải)

- + Cuộc thi Sáng tạo Thanh Thiếu niên Nhi đồng lần thứ 20 năm 2024: 04 HS đạt giải Nhì
- + “Gia đình đọc sách – Phát triển tủ sách gia đình kết nối yêu thương”: 01 HS giải Khuyến khích
- + Cuộc thi Olympic tiếng Anh: 02 HS đạt giải Khuyến; 01 học sinh được công nhận điểm cao tại vòng sơ khảo
- + Môn thi bật xa: 01 HS đạt giải Ba
- + 69 giải ở các sân chơi khác (08 giải Vàng, 13 giải Bạc, 26 giải Ba, 22 giải KK)

3. Cấp Quốc gia (91 giải)

- + Cuộc thi Vẽ tranh Thiếu nhi, Em vẽ trường học hạnh phúc 2024: 01 HS đạt giải Triển vọng
- + HKPD: 01 học sinh đạt Huy chương Đồng Aerobic
- + 89 giải ở các sân chơi (14 giải Vàng, 26 giải Bạc, 36 giải Ba, 13 giải KK.)

4. Cấp Quốc tế (19 giải)

+ Cuộc thi Vẽ tranh “Bác hồ với thiếu nhi – Thiếu nhi với Bác Hồ” năm học 2024-2025: 01 HS đạt giải Khuyến khích.

+ 18 giải ở các sân chơi khác (02 huy chương Bạc; 04 huy chương Đồng; 12 giải Khuyến khích.)

Ngày 03 tháng 6 năm 2025

